



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013



Tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
Năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008 ngày 15/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
- Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
- Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 056-3822073-3820081
- Số fax: 056-3822497
- Website: www.bimico.vn
- Mã cổ phiếu: **BMC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 25 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 số 4100390008 ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2013 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của

Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2012 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

b. Quá trình phát triển:

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit (TiO_2) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit (TiO_2).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng thấp nhất là 52% TiO_2 , bột Zircon mịn có hàm lượng 65% ZrO_2 , Rutile có hàm lượng 87% TiO_2 , Monazite có hàm lượng REO > 57% và Magnetic có hàm lượng Fe_3O_4 > 75%.

- Trong năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xi titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra 2 loại sản phẩm là Xi Titan có hàm lượng từ 85% đến 92% TiO_2 và Gang hợp kim có hàm lượng $Fe \geq 98\%$, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xi titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mặt khác thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10%. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xi titan. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường về mặt hàng này, Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Công suất của Dự án giai đoạn 2 tăng lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xỉ titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Bình Định. Bao gồm:

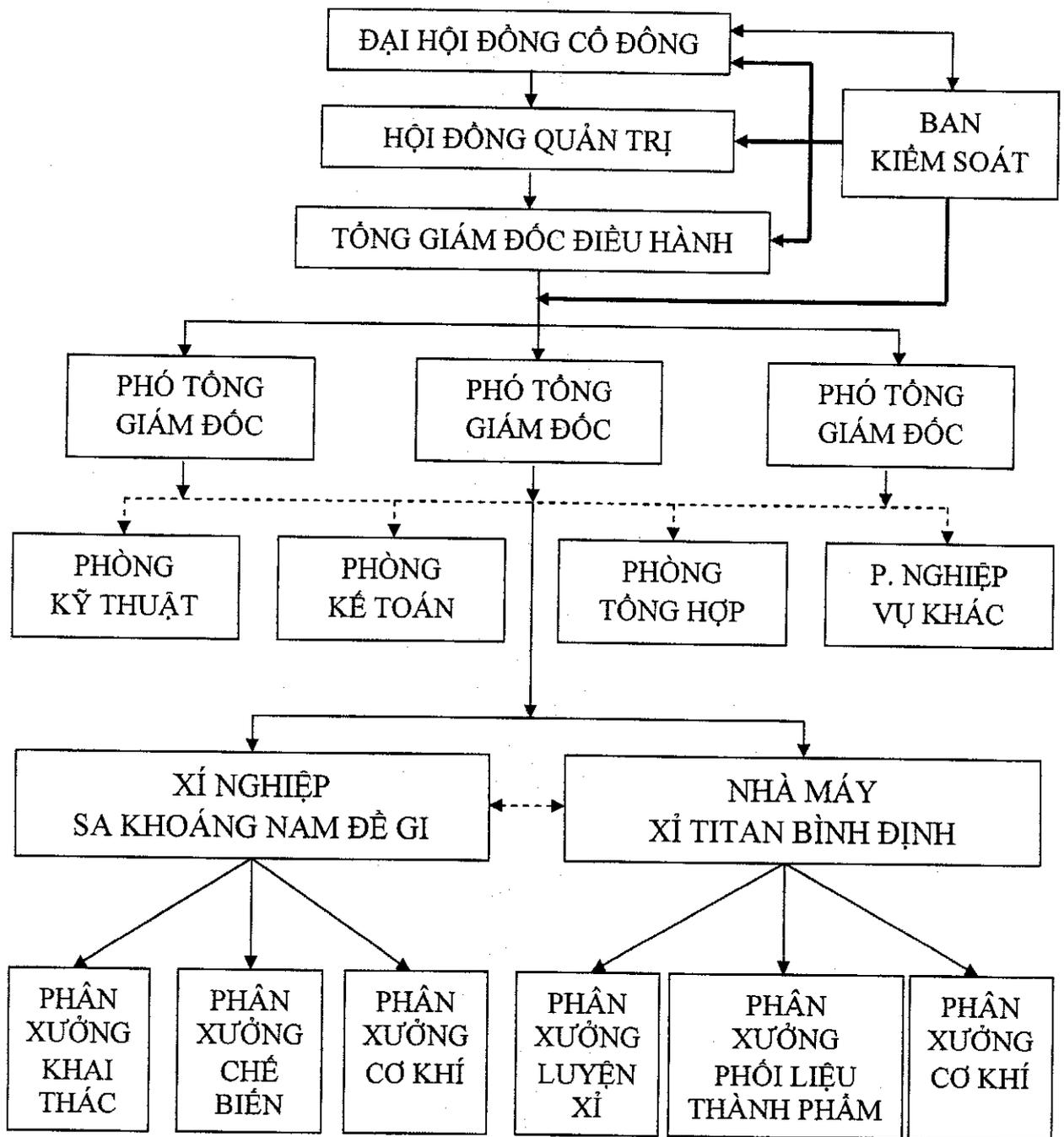
+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

• Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi, thuộc xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xi titan Bình Định, phần còn lại dùng để xuất khẩu.

• Nhà máy Xi titan Bình Định: thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đê Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy hiện nay là các loại Xi titan và gang hợp kim.

4. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



Chú thích



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng



Quan hệ kiểm soát

5. Định hướng phát triển:

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Tiếp tục củng cố sản xuất kinh doanh cả mặt hàng tinh quặng truyền thống lẫn sản phẩm chế biến sâu để tận dụng lợi thế của Công ty đối với ngành khai thác và chế biến titan, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm titan để nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước tìm kiếm dự án sản phẩm mới để thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sâu titan.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động; đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung cho việc vạch ra chiến lược Marketing tạo thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư chế biến sâu sản phẩm titan nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, kéo dài tuổi thọ của mỏ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tích cực và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác vùng mỏ mới với diện tích 150 ha, trữ lượng 334.597 tấn. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường cũng như đầu tư cho các dự án đầu tư chế biến sâu mang tính dài hơi, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm.

- Tái cấu trúc lại mô hình tổ chức quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Công ty đối với vấn đề môi trường là:

- Hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

a. Rủi ro biến động kinh tế.

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp có sử dụng hợp chất Titan (bất động sản, công nghiệp ô tô, hàng không, vũ trụ, công nghiệp men, sứ, nhựa, sơn ...) và qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ quặng Titan. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu về hợp chất Titan và ngược lại, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác và sản xuất các hợp chất Titan. Mức độ phát triển của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành công nghiệp và gián tiếp tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động khai thác chế biến sa khoáng Titan.

b. Rủi ro chính sách nhà nước.

Sản phẩm của Công ty 95% được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu. Để bảo đảm sự phát triển ổn định và vững chắc của doanh nghiệp, tạo sự chủ động của Công ty trong sản xuất kinh doanh trước chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành khai thác toàn bộ dây chuyền sản xuất Xi titan với công suất thiết kế khoảng 35.000 tấn sản phẩm /năm. Việc đưa toàn bộ dây chuyền sản xuất xi titan vào hoạt động là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Mặc dù vậy, sự thiếu nhất quán về mặt quan điểm cũng như trong việc thực hiện chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay phần nào có ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh sản phẩm chế biến sâu (xi titan) của Công ty.

c. Rủi ro pháp luật.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyên sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chế độ, chính sách

luôn có thể xảy ra – đặc biệt là các chính sách về thuế - và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

d. Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Phần lớn doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu và các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký với đơn vị tính là USD, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2013 tỷ giá VND/USD biến động không lớn, mức dao động tỷ giá hối đoái thấp nên ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

e. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2013	TH 2013	TH 2013 /KH 2013	TH 2013 /TH 2012
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	90.000	96.835	107,59%	148,35%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	415.000	445.040	107,24%	110,77%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD				
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	18.600	18.991	102,10%	102,83%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	100.000	98.804	98,80%	88,27%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	80.000	80.021	100,03%	92,60%
7. Đầu tư mới	Tr.đồng	40.000	24.351	60,88%	44,61%
8. Nộp ngân sách	Tr.đồng	80.000	128.778	160,97%	86,97%

Trong năm 2013, sản lượng tiêu thụ đạt 49.837 tấn sản phẩm các loại, tăng hơn 26% so với năm 2012. Giá bán trong năm 2013 nhìn chung có sự suy giảm, đặc biệt là những tháng cuối năm 2013. Vì vậy, doanh thu 2013 chỉ tăng 10,77% so với năm 2012. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 18,99 triệu USD tăng 2,83% so với thực hiện năm 2012. Nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đề ra: So với kế hoạch 2013, doanh thu tăng 7,24%; kim ngạch xuất khẩu tăng 2,1%; lợi nhuận sau thuế tăng 0,03%; đặc biệt chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước tăng 60,97%.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2013 là 40%. Trong năm 2013 Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền năm 2013 cho cổ đông là 30%. Phần cổ tức còn lại (10%) sẽ được chi trả trong năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

a.1 Danh sách:

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:

- Ông: Ngô Văn Tổng : Tổng Giám đốc
- Ông: Hà Văn Cường : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Lê Anh Vũ : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Ông NGÔ VĂN TỔNG

Ngày sinh: 02/02/1964
Nơi sinh: Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 23 đường Phạm Hồng Thái, Tp Quy Nhơn
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3822073
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Quá trình công tác:

- 09/1986 - 12/1995: Kế hoạch Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 01/1996 - 12/2000: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
- 01/2001 - 03/2006: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
- 04/2006 – 10/2006: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.

- 11/2006 – 03/2007: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO).
 - 04/2007 – 5/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO).
 - 06/2007 - 06/2010: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO).
 - 07/2010 - 04/2011: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO).
 - 05/2011 - 03/2013: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO).
 - 04/2013 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 1.918.895 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 1.858.895 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HÀ VĂN CUÔNG

Ngày sinh: 08/01/1964
Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 09 - Đường Võ Đình Tú, Tp. Quy Nhơn
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3825857
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:

- 10/1987 - 6/1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thống nhất Nghĩa Bình, chức vụ đảm nhận: Kỹ sư cơ điện. Kỹ sư công nghệ
- 06/1993 - 10/1998: Công tác tại Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung Bình Định, chức vụ: Kỹ sư công nghệ.
- 10/1998 - 04/2002: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Định, chức vụ chuyên viên kỹ thuật
- 04/2002 – 04/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 04/2006 – đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 15.577 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 15.577 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Ông LÊ ANH VŨ

Ngày sinh: 04/12/1962
Nơi sinh: Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: Tổ 33A khu vực 1 Phường Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3820081
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
Quá trình công tác:

- 01/1990 - 10/1995: Chuyên viên Kế toán tại Sở Công nghiệp Bình Định
- 11/1995 - 12/2000: Phụ trách Kế toán tại Công ty Khoáng sản Bình Định
- 01/2001 - 05/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 06/2001 - 04/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
- 05/2001 - 10/2012: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 63.351 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 63.351 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông TRẦN CẢNH THỊNH

Ngày sinh: 20/03/1965
Nơi sinh: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: KV 12, P. Ngô Máy, TP Quy Nhơn, Bình Định

ĐT liên lạc ở cơ quan: 056.3822039

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

● 9/1986 - 8/1994: Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn

● 9/1994 - 4/2001: Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.

● 5/2001 - 3/2002: Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.

● 4/2002 - 3/2007: Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

● 4/2007 - 02/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

● 3/2012 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HUỲNH NGỌC BÍCH

Ngày sinh: 15/06/1965

Nơi sinh: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại liên lạc: 0989 072 940

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- 07/1987 - 07/1995: Kế toán Công ty vật tư Bình Định
- 08/1995 - 04/2000: Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 05/2000 - 01/2008: Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 01/2008 - 10/2012: Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định. Thư ký Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 45.372 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 45.372 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2013: Không có.

c. Người lao động tại Công ty:

c.1. Số lượng:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 345 người, trong đó lao động gián tiếp là 30 người.

c.2 Chính sách đối với người lao động:

❖ **Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian

nghe 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị trong năm 2013 khoảng 24,35 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là phục vụ cho việc đầu tư mở rộng sản xuất và cải tiến công nghệ.

- Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sản xuất Xưởng hồ điện cực vào tháng 7/2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nhờ đó đã chủ động đáp ứng nguồn nguyên liệu phục vụ cho Nhà máy xi, không còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập ngoại, mặt khác còn có dư để bán cho các doanh nghiệp khác góp phần tăng hiệu quả kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	271.042	272.812	0,65%
Doanh thu thuần	331.218	372.583	12,49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	111.274	98.618	-11,37%
Lợi nhuận khác	650	185	-71,46%
Lợi nhuận trước thuế	111.924	98.804	-11,72%
Lợi nhuận sau thuế	86.392	80.021	-7,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	71,72%	61,95%	-13,63%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	247,39%	288,55%
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	123,01%	165,65%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	24,88%	21,39%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	33,12%	27,20%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,66	3,42
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	122,20%	136,57%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	26,08%	21,48%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	42,43%	37,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	31,87%	29,33%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	33,60%	26,47%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 12.392.630

Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630

b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 27/02/2014)

Đối tượng sở hữu vốn	Tổng cộng	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	Cổ đông sở hữu dưới 1 %
TRONG NƯỚC					
- Số lượng CP	10.868.274	3.098.184	2.790.012	147.740	4.832.338
- Tỷ lệ (%)	87,70%	25,00%	22,51%	1,19%	38,99%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	6.036.684	3.098.184	2.790.012		148.488
- Tỷ lệ (%)	48,71%	25,00%	22,51%		1,20%
Cá nhân					
- Số lượng CP	4.831.590			147.740	4.683.850
- Tỷ lệ (%)	38,99%			1,19%	37,80%
NƯỚC NGOÀI					
- Số lượng CP	1.524.356	0	0	817.050	707.306
- Tỷ lệ (%)	12,30%	0,00%	0,00%	6,59%	5,71%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	912.176			633.410	278.766
- Tỷ lệ (%)	7,36%			5,11%	2,25%
Cá nhân					
- Số lượng CP	612.180			183.640	428.540
- Tỷ lệ (%)	4,94%			1,48%	3,46%
TỔNG CỘNG					
- Số lượng CP	12.392.630	3.098.184	2.790.012	964.790	5.539.644
- Tỷ lệ (%)	100,00%	25,00%	22,51%	7,79%	44,70%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	6.948.860	3.098.184	2.790.012	633.410	427.254
- Tỷ lệ (%)	56,07%	25,00%	22,51%	5,11%	3,45%

Cá nhân				
- Số lượng CP	5.443.770		331.380	5.112.390
- Tỷ lệ (%)	43,93%		2,67%	41,25%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2013 không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ hoàn thành
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	90.000	96.835	107,59%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	415.000	445.040	107,24%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD			
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	18.600	18.991	102,10%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	100.000	98.804	98,80%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	80.000	80.021	100,03%
7. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	40	30	75,00%
8. Vốn Điều lệ	Tr.đồng	123.927	123.927	100,00%
9. Đầu tư mới	Tr.đồng	40.000	24.351	60,88%
10. Nộp ngân sách	Tr.đồng	80.000	128.778	160,97%

(Năm 2013 đã tạm chi trả cổ tức là 30%. Số còn lại (10%) sẽ được chi trả trong năm 2014)

b. Đánh giá kết quả SXKD:

Nhìn chung, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, đặc biệt chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước hoàn thành vượt 60,97% kế hoạch. Mặt khác, sự diễn biến của thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nửa cuối năm 2013 có chiều hướng đi xuống cũng gây ra những khó khăn nhất định trong kinh doanh, làm ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả cuối cùng, tỷ suất lợi nhuận giảm. Trong bối cảnh đó, việc Ban điều hành vẫn bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu cơ bản nhất – chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế - thể hiện sự cố gắng lớn của Ban điều hành trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong giai đoạn mà do sự khó khăn về thị trường tiêu thụ, không ít doanh nghiệp cùng ngành đã phải thu hẹp đáng kể sản xuất, kết quả kinh doanh thấp, thậm chí bị lỗ, thì điều này lại càng có ý nghĩa.

c. Những tiến bộ đạt được:

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí khai thác, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm xỉ về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xỉ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2102 Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường tốt nhất so với các doanh nghiệp khai thác titan khác tại địa bàn tỉnh Bình Định. Công ty cũng quan tâm đầu tư đáng kể vào hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến sâu.

- Trong năm 2012 Công ty đã tiến hành xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào quá trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng ISO 9001:2008 một mặt bảo đảm sự chặt chẽ của quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín của Công ty đối với khách hàng, mặt khác, đây cũng là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc tiếp cận và phát triển khách hàng mới, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2012
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	47,33%	46,61%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	52,67%	53,39%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	21,39%	24,88%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	78,61%	75,12%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	83,19%	26,02%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	288,55%	247,39%
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	36,22%	41,29%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,48%	26,08%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	37,31%	42,43%

a. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2012 nhìn chung ít biến động. Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có sự thay đổi đáng kể.

Về tài sản ngắn hạn: Trong năm 2013, giá trị hàng tồn kho cuối năm có giảm đi so với đầu năm, thể hiện sự tích cực của doanh nghiệp trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Về tỷ suất lợi nhuận: nhìn chung là thấp hơn so với năm 2012. Điều này có nguyên nhân là do thị trường cuối năm 2013 có chiều hướng đi xuống, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Các khoản nợ phải thu nhìn chung là bình thường, chủ yếu là các khoản phải thu tiền bán hàng của các đợt giao hàng vào thời gian cuối năm và đã được thanh toán đầy đủ vào quý 1 năm 2014. Tính đến thời điểm 31/12/2013, không tồn tại bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2013 có giảm một ít so với năm trước. Nhìn chung tình hình nợ phải trả là bình thường và không có biến động lớn so với năm 2012.

- Về nợ ngắn hạn: Chủ yếu là quỹ tiền lương dự phòng chuyển sang 2014 (hơn 15 tỷ đồng) và khoản "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (gần 15 tỷ đồng). Đây là khoản nợ thuế chưa đến hạn nộp còn kết dư đến cuối năm. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác nhìn chung là bình thường.

- Về nợ dài hạn: Là khoản nợ phải trả do Công ty thuê đất tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn để xây dựng Nhà máy xi titan Bình Định. Thời hạn trả kéo dài 45 năm kể từ ngày thuê đất.

c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Trong năm 2013, tỷ giá USD tiếp tục duy trì sự ổn định của năm 2012. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006 hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản đạt hơn 270 tỷ đồng. Số lượng lao động hiện nay là 354 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến khác trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng của các sản phẩm hiện tại làm cơ sở cho việc tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 05 lần, đã ban hành 05 nghị quyết, đồng thời thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2013.

- Bên cạnh việc nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2013, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông thường niên 2013 đề ra. Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sản xuất Xưởng hồ điện cực vào tháng 7/2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, góp phần chủ động đáp ứng nguồn nguyên liệu phục vụ cho Nhà máy xi, giải quyết việc làm cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 27/02/14		Ghi chú
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
	Cộng	2,35%	42,51%	
1	Ngô Văn Tổng	0,48%	15,00%	
2	Nguyễn Văn Chánh		22,51%	Thành viên không ĐH
3	Nguyễn Bạo		10,00%	Thành viên không ĐH
4	Trần Cảnh Thịnh	0,10%		
5	Hà Văn Cường	0,13%		
6	Lê Anh Vũ	0,51%		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp và ban hành những Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT-BMC	22/03/2013	Thông qua số liệu tạm phân phối lợi nhuận năm 2011 và 2012
2	08/NQ-HĐQT-BMC	26/04/2013	Thông qua kết quả hoạt động SXKD 2012 và phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2013
3	12/NQ-HĐQT-BMC	24/07/2013	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2013, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2013.

4	17/NQ- HĐQT-BMC	22/10/2013	Thông qua tỷ lệ và mức chi trả cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2013.
5	18/NQ- HĐQT-BMC	22/10/2013	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013.

• **Về ưu điểm:**

☞ *Về công tác chỉ đạo điều hành:*

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

☞ *Về công tác nhân sự:*

Trong năm 2013, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện và ổn định cơ cấu tổ chức theo mô hình tổ chức quản lý mới theo hướng phân cấp quản lý và phân nhiệm rõ ràng hơn, tạo điều kiện để các bộ phận chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

• **Những hạn chế:**

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm cho nên chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

• **Biện pháp khắc phục:**

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản trị của Công ty.

Xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cổ đông của Công ty.

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện tại trong cơ cấu Hội đồng quản trị chưa có thành viên độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và bầu bổ sung trong thời gian sắp tới.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f. Về việc tham gia các chương trình về quản trị công ty:

Thực hiện quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong năm 2013, Công ty đã cử 02 thành viên Hội đồng quản trị tham gia khóa học về Quản trị công ty cho công ty đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức. Danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
01	Lê Anh Vũ	Thành viên HĐQT
02	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 27/02/2014	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	Cộng	0,11%	
1	Nguyễn Hồ Tường Vy		
2	Nguyễn Xuân Vinh	0,01%	
3	Lê Thị Trúc Mai	0,10%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động của Công ty. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn thực hiện công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

❖ *Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:*

● **Hội đồng quản trị**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Ngô Văn Tổng	Chủ tịch	93.000	115.820	208.820
2	Nguyễn Văn Chánh	Thành viên	65.100	53.615	118.715
3	Nguyễn Bạo	Thành viên	28.000	33.735	61.735
4	Hà Văn Cường	Thành viên	65.100	84.935	150.035
5	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	65.100	84.935	150.035
6	Lê Anh Vũ	Thành viên	65.100	84.935	150.035

● **Ban kiểm soát:**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban	28.000	33.735	61.735
2	Lê Thị Trúc Mai	Thành viên	46.500	38.606	85.106
3	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	46.500	38.606	85.106

❖ *Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Ngô Văn Tổng	Tổng GĐ	412.740	123.076	15.826	551.642
2	Hà Văn Cường	Phó TGD	320.821	96.526	15.864	433.211
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGD	282.753	83.476	15.826	382.055
4	Lê Anh Vũ	Phó TGD	322.800	96.526	15.929	435.255
5	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	239.923	70.200	15.526	325.649

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP giao dịch	
			Mua	Bán
1	Ngô Văn Tổng	Chủ tịch HĐQT	15.000	95.000
2	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên HĐQT	2.550	
3	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên BKS	1.000	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị đưa vào chương trình nghị sự và bổ sung trong thời gian sắp tới.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 22.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Về Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, được lập ngày 20/01/2014, từ trang 7 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

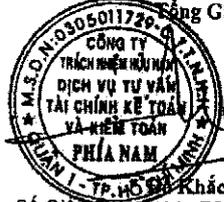
Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5



Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Sống Giám đốc



Khắc Thanh
Số Giấy Chứng nhận ĐKHN: 0064-2013-142-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình
Số Giấy Chứng nhận ĐKHN: 1858-2013-142-1

0501
CÔNG
TỔNG
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN
PHÍA
NAM
- TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

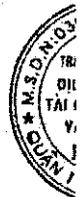
TÀI SẢN	MA số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		143.693.354.363	144.704.914.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	41.428.695.410	15.217.566.618
1. Tiền	111		37.297.534.522	7.554.820.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.131.160.888	7.662.745.862
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2		33.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			33.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	20.074.001.178	9.016.537.734
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	13.635.839.421	6.250.035.867
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	6.419.496.773	2.766.501.867
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	18.664.984	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	61.203.057.574	72.751.880.258
1. Hàng tồn kho	141		61.203.057.574	72.751.880.258
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	20.987.600.201	14.718.929.510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1	20.986.907.244	14.718.929.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.2	692.957	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		129.118.391.094	126.336.655.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	2.727.988.000	2.183.811.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		2.727.988.000	2.183.811.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		106.588.397.531	109.358.823.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	104.964.394.708	105.860.403.513
- Nguyên giá	222		196.142.420.726	176.686.492.351
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(91.178.026.018)	(70.826.088.838)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8		6.055.552
- Nguyên giá	228		25.600.000	36.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(25.600.000)	(30.444.448)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.624.002.823	3.492.364.515
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	19.802.005.563	14.794.019.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19.802.005.563	14.794.019.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.811.745.457	271.041.569.199

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.344.986.242	67.432.402.630
I. Nợ ngắn hạn	310	11	49.799.000.687	58.491.999.290
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1		8.561.121.540
2. Phải trả người bán	312	11.2	557.413.086	1.978.713.643
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	983.345.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	14.891.558.205	22.014.360.339
5. Phải trả người lao động	315	11.5	15.136.906.397	8.480.962.137
6. Chi phí phải trả	316	11.6	3.382.872.818	2.967.500.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	2.101.336.853	3.462.537.503
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	11.8	12.745.568.328	11.026.804.128
II. Nợ dài hạn	330	12	8.545.985.555	8.940.403.340
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	12.1	8.545.985.555	8.940.403.340
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		214.466.759.215	203.609.166.569
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	214.466.759.215	203.609.166.569
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	123.926.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.523.824.666	12.544.090.031
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.392.337.618	12.392.337.618
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46.233.296.931	35.355.438.920
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		272.811.745.457	271.041.569.199



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1,929,249.60	564,110.16
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Huong

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyen

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngô Văn Tổng

5011
CÔNG
HỮU
I VU
HINH
KIEM
HIAI
TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	14	445.040.512.972	401.779.726.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	72.457.918.690	70.561.838.345
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	372.582.594.282	331.217.888.161
4. Giá vốn hàng bán	11	17	228.780.685.621	171.352.553.361
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		143.801.908.661	159.865.334.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.812.353.529	6.034.732.190
7. Chi phí tài chính	22	19	682.117.342	1.591.320.987
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.172.898	
8. Chi phí bán hàng	24		33.660.324.443	26.958.988.913
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.653.525.816	26.075.882.501
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		98.618.294.589	111.273.874.589
11. Thu nhập khác	31	20	185.454.545	715.086.364
12. Chi phí khác	32	21		65.280.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		185.454.545	649.806.364
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		98.803.749.134	111.923.680.953
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	18.783.152.488	25.531.766.829
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		80.020.596.646	86.391.914.124
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	6.457	7.771

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Huong

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngoc Bich

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014



Ngô Văn Tổng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	98.803.749.134	111.923.680.953
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	23.158.932.394	21.591.241.889
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(456.080.943)	1.577.258.916
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.891.614.076)	(4.924.775.509)
- Chi phí lãi vay	06	33.172.898	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	119.648.139.407	130.167.406.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18.257.334.219)	18.798.160.952
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.548.822.684	(51.798.327.342)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(651.772.131)	(6.585.010.987)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.239.043.368)	2.226.864.001
- Tiền lãi vay đã trả	13	(33.172.898)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.005.911.312)	(38.974.417.161)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(544.176.500)	(544.176.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.465.571.663	53.290.499.212
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.157.448.541)	(85.740.352.489)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	185.454.545	649.806.382
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(84.631.602.780)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	33.000.000.000	138.457.972.524
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.706.159.531	4.274.969.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.734.165.535	(26.989.200.400)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.561.121.540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.561.121.540)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(60.538.050.400)	(61.919.832.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.099.171.940)	(53.358.710.460)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	25.100.565.258	(27.057.411.654)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.217.566.618	42.507.472.283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.110.563.534	(232.494.011)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	41.428.695.410	15.217.566.618

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

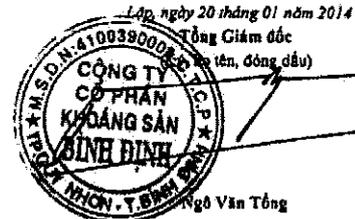
Hương

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Bích

Huỳnh Ngọc Bích



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Khoáng Sản Bình Định thành công ty Cổ Phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty Cổ Phần số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp. Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

11/20
NG TY
H HƯ
Y TƯ V
H KẾ T
EM TAI
A NAM
HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:*

3.1 *Nguyên tắc ghi nhận:*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Không phát sinh.

4. *Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:* Không phát sinh.

5. *Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:*

5.1 *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:* Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

6. *Hợp đồng thuê tài chính:* Không phát sinh.

7. *Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:* Không phát sinh.

8. *Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:*

8.1 *Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh

14. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

17.1 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

01172
CÔNG TY
NHUẬN HỮU
VỤ TƯ
NH KẾ
TỔNG TỐ
TÁ NAH
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

V- THÔNG TIN BÚ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1- Tiền mặt - VND	629.757.575	125.825.175
- Tiền mặt Việt Nam đồng	629.757.575	125.825.175
1.2- Các khoản tiền gửi ngân hàng	36.667.776.947	7.428.995.581
- Ngân hàng ĐT & PT - CN.Bình Định (VND)	72.112.913	3.044.779.759
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (VND)	41.655.453	289.274.274
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - CN.Bình Định (VND)	19.803.317	16.674.613
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (# 6,485.12 USD)	136.695.521	966.879.237
- Ngân hàng ĐT & PT - CN.Bình Định (# 1,475,051.42 USD)	31.091.625.515	55.263.771
- Ngân hàng NN & PTNT- CN.Bình Định (# 251,722.19 USD)	5.305.884.228	3.056.123.927
1.3- Các khoản tương đương tiền	4.131.160.888	7.662.745.862
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH NN&PTNT-CN.Bình Định (# 173,000.00 - Kỳ hạn 01 tháng)		3.600.706.667
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ACB - CN.Bình Định (# 195,740.62 - Kỳ hạn 01 tháng)		4.062.039.195
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ACB - CN.Bình Định (# 195,990.87 - Kỳ hạn 01 tháng)	4.131.160.888	
Cộng	41.428.695.410	15.217.566.618
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH Đầu Tư và Phát Triển - CN.Bình Định (Kỳ hạn 4 tháng)		33.000.000.000
Cộng		33.000.000.000
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1- Phải thu khách hàng	13.635.839.421	6.250.035.867
- Công ty KDC Malaysia (# 287,200.00 USD)	6.055.172.817	3.457.094.667
- Công ty Kiswel (# 92,736.00 USD)		2.792.941.200
- Công ty Qinzhou Dewei Trade Company LTD-T.Quốc (# 359,642.60 USD)	7.580.666.604	
3.2- Trả trước cho người bán	6.419.496.773	2.766.501.867
- Công ty CP xúc tiến đầu tư XD & SX Phúc Sơn		103.422.000
- DNTN Khang Huy		185.000.000
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Thịnh		450.000.000
- Viện Công Nghệ Vật liệu Vô Cơ	110.000.000	110.000.000
- Công ty TNHH Hạnh Cường		625.000.000
- Chi nhánh Bảo Hiểm Bưu Điện tại Bình Định		19.994.880
- Công ty Cơ điện xây lắp Hùng Vương	2.604.900.000	247.084.987
- Viện khoa học công nghệ mô - Luyện kim	446.000.000	900.000.000
- Trung tâm Quan trắc môi trường Bình Định	142.869.500	126.000.000
- DNTN May thương mại Vạn Phát	650.000.000	
- Khác	35.000.000	
- Phan Thanh Nghị	25.000.000	
- Đào Cát Hùng	5.000.000	
- NM cơ khí thủy nông Hùng Vương	1.811.000.000	
- Đoàn địa chất 506	30.000.000	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Công ty TNHH giống cây trồng Anh Vũ	400.000.000	
- Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt	7.000.000	
- Công ty CP quốc tế HMT Việt Nam	122.727.273	
- Công ty TNHH TVXD Cát Tiên	30.000.000	
3.3- Các khoản phải thu khác	18.664.984	
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.464.984	
- Thuế TNCN HĐQT bên ngoài công ty	11.200.000	
Cộng	20.074.001.178	9.016.537.734
4. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	4.550.786.801	4.840.092.731
- Công cụ, dụng cụ	1.020.087.651	443.026.683
- Thành phẩm	55.632.183.122	67.468.760.844
Cộng	61.203.057.574	72.751.880.258
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1 - Thuế GTGT được khấu trừ	20.986.907.244	14.718.929.510
5.2 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	692.957	
- Thuế xuất khẩu	692.957	
Cộng	20.987.600.201	14.718.929.510
6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	2.727.988.000	2.183.811.500
- Ký quỹ môi trường mô 73 ha Phù Cát	438.000.000	438.000.000
- Ký quỹ môi trường mô 150 ha Phù Cát	2.289.988.000	1.745.811.500
Cộng	2.727.988.000	2.183.811.500

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	32.742.603.310	127.391.413.868	15.056.588.831	1.495.886.342	176.686.492.351
2. Số tăng trong năm	5.320.506.143	11.914.117.726	5.723.181.819	68.004.545	23.025.810.233
<i>Bao gồm:</i>					
- Do mua sắm mới	5.320.506.143	11.914.117.726	5.723.181.819	68.004.545	23.025.810.233
- Cải tạo sửa chữa					
- Chuyển từ XD CBDD					
3. Số giảm trong năm	298.419.947	1.756.603.781	806.079.849	708.778.281	3.569.881.858
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			737.637.164		737.637.164
- Giảm khác	298.419.947	1.756.603.781	68.422.685	708.778.281	2.832.224.694
4. Số dư cuối năm	37.764.689.506	137.548.927.813	19.973.690.801	855.112.606	196.142.420.726
II. Giá trị hao mòn lũy kế					

501172
CÔNG TY
THUẬN
VỤ TỰ
KIỂM T
TIA NA
TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. Số dư đầu năm	11.203.634.413	50.604.614.069	8.117.884.736	899.955.620	70.826.088.838
2. Số tăng trong năm	3.818.105.099	16.493.359.964	2.639.333.232	207.225.765	23.158.024.060
3. Số giảm trong năm	227.478.792	1.274.369.295	792.723.486	511.515.307	2.806.086.880
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			737.657.164		737.657.164
- Giảm khác	227.478.792	1.274.369.295	55.066.322	511.515.307	2.068.429.716
4. Số dư cuối năm	14.794.260.720	65.823.604.738	9.964.494.482	595.666.078	91.178.026.018
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	21.538.968.897	76.786.799.799	6.938.704.095	595.930.722	105.860.403.513
2. Tại ngày cuối năm	22.970.428.786	71.725.323.075	10.009.196.319	259.446.528	104.964.394.708

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm				36.500.000	36.500.000
2. Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới					
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm				10.900.000	10.900.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				10.900.000	10.900.000
4. Số dư cuối năm				25.600.000	25.600.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm				30.444.448	30.444.448
2. Số tăng trong năm				908.334	908.334
3. Số giảm trong năm				5.752.782	5.752.782
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				5.752.782	5.752.782
4. Số dư cuối năm				25.600.000	25.600.000
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm				6.055.552	6.055.552
2. Tại ngày cuối năm					



9. CHI PHÍ XDCB DỨ DANG

- Mua sắm tài sản cố định
- Xây dựng nhà máy Xi Titan

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	291.711.332	1.396.741.866
- Xây dựng nhà máy Xi Titan	1.332.291.491	2.095.622.649
Cộng	1.624.002.823	3.492.364.515

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
* Chi phí trả trước dài hạn	19.802.005.563	14.794.019.999
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	2.158.499.563	1.169.746.999
- Hệ thống xử lý nước xường bàn đất nước Cát Thành		226.758.000
- Chi phí trồng rừng mô 73 ha Cát Thành		393.424.000
- Tiền thuê đất NMX 45 năm theo hợp đồng thuê đất	12.689.451.000	13.004.091.000
- Chi phí khoan thăm dò địa chất mô Cát Thành	79.391.000	
- Kinh phí đóng góp xây dựng hạ tầng mô 150 ha	4.874.664.000	
Cộng	19.802.005.563	14.794.019.999
11. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1- Vay ngắn hạn		8.561.121.540
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển CN.Bình Định		8.561.121.540
11.2- Phải trả người bán	557.413.086	1.978.713.643
- Công ty TNHH SX - TM Tân Quốc Hưng		45.500.000
- Công ty CP Bao bì Đại Lục		12.100.000
- Trung tâm nghiên cứu điện tử ĐH Bách Khoa Đà Nẵng		38.000.000
- DNTN May thương mại Vạn Phát		730.000
- Công ty TNHH Gia Long		187.093.643
- Hiệu buôn Thanh Quyền		51.570.000
- Công ty cổ phần XNK vật tư máy móc T&T		154.000.000
- Hiệu buôn Thu Hiền		1.489.720.000
- DNTN Xuyên Quốc Dân	158.896.339	
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Vũ Anh	313.899.520	
- Công ty CP Phân Bón và DVTH Bình Định	23.272.727	
- Võ Bá Sơn	20.312.000	
- Khác	41.032.500	
11.3- Người mua trả tiền trước	983.345.000	
- DNTN Hạnh Thảo	36.945.000	
- Công ty TNHH Huy Tùng	946.400.000	
11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.891.558.205	22.014.360.339
- Thuế xuất khẩu		632.656.373
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.424.972.864	12.647.731.688
- Thuế tài nguyên	10.056.861.996	8.248.359.178
- Phí bảo vệ môi trường	409.723.345	485.613.100
11.5- Phải trả người lao động	15.136.906.397	8.480.962.137
- Lương phải trả công nhân viên	15.136.906.397	8.480.962.137
11.6- Chi phí phải trả	3.382.872.818	2.967.500.000
- Thủ lao của HĐQT & BKS	40.400.000	27.500.000
- Kinh phí xây dựng CSHT mô 73 ha Phù Cát	2.920.000.000	2.920.000.000
- Bảo hiểm Bưu Điện - CN Bình Định	10.910.909	
- Công ty TNHH DVTM Bình Hải	222.000.000	
- Công ty Giám định Vinacontrol - CN Quy Nhơn	5.200.000	
- Khác	70.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Trung Tâm Quan Trắc Môi Trường Bình Định	57.361.909	
- Đoàn Địa Chất 506	30.000.000	
- Phí trước bạ xe	27.000.000	
- Báo Công Thương - (Quảng cáo)		20.000.000
11.7- Các khoản, phải trả phải nộp khác	2.101.336.853	3.462.537.503
- Kinh phí Công đoàn	1.209.771.126	1.444.952.581
- Bảo hiểm xã hội	78.068.903	145.002.953
- Bảo hiểm y tế	32.169.024	28.416.455
- Bảo hiểm thất nghiệp		11.771.014
- Phan Huy Hoàng	66.538.660	66.538.660
- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	157.599.965	1.570.610.840
- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty		41.856.000
- CNCNV ủng hộ đồng bào bảo lụt	19.260.000	19.260.000
- Cổ đông Quách Xiếu An	750.000	750.000
- Phí bảo hành công trình XD CB (Trung tâm Quan Trắc Môi trường Bình Định)	30.000.000	30.000.000
- Quỹ trả cổ tức	505.230.175	53.430.000
- Cổ tức 10% của cổ đông lưu ký sản chứng khoán SME	1.949.000	1.949.000
- Tiền đặt cọc thanh lý tài sản		48.000.000
11.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.745.568.328	11.026.804.128
- Quỹ khen thưởng	9.345.362.328	8.252.368.989
- Quỹ phúc lợi	3.000.000.000	2.510.432.139
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành công ty	400.206.000	264.003.000
Cộng	49.799.000.687	58.491.999.290
12. NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1- Vay và nợ dài hạn	8.545.985.555	8.940.403.340
- Tiền thuê đất nhà máy xi	8.545.985.555	8.940.403.340
Cộng	8.545.985.555	8.940.403.340

50172
CÔNG TY
CHUYÊN
H V VỤ
TƯ
KÍNH KẾ
KIỂM TO
HÓA NẠN
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hồ Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

A	Đơn vị tính: VND						
	1	2	3	4	5	6	7
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	82.618.200.000	19.391.000.000	10.893.060.542	8.262.337.618	1.088.741.838	65.765.004.285	188.018.344.283
- Tăng vốn trong năm trước	41.308.100.000					86.391.914.124	41.308.100.000
- Lãi trong năm trước			12.544.029.489	4.130.000.000		28.000.000	86.391.914.124
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	10.893.000.000	12.392.337.618	1.088.741.838	116.829.479.489	128.811.221.327
Số dư đầu năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	12.544.090.031	12.392.337.618		35.355.438.920	203.609.166.569
- Tăng vốn trong năm nay			12.544.090.031			35.355.438.920	203.609.166.569
- Lãi trong năm nay						80.020.596.646	80.020.596.646
- Tăng khác (*)						22.265.365	22.265.365
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (**)			20.265.365				
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	12.523.824.666	12.392.337.618		46.233.296.931	214.466.759.315

Chi chi:

- (*) Tăng khác của Lợi nhuận chưa phân phối
- Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi theo nghị quyết ĐHD Cổ đông năm 2013
- Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết ĐHD Cổ đông năm 2013

- (**) Giảm khác của Lợi nhuận chưa phân phối
- Trả cổ tức 20% theo Nghị quyết ĐH Cổ đông năm 2012
- Trả cổ tức năm 2013 (10% vốn đầu tư)
- Tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Tạm trích quỹ lương Ban điều hành Công ty năm 2013

22.265.365	69.165.004.000
2.000.000	24.785.260.000
20.265.365	37.177.890.000
	6.401.648.000
	800.206.000



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	25%	30.981.840.000	30.981.840.000
- Vốn góp của đối tượng khác	75%	92.944.460.000	92.944.460.000
Cộng	100%	123.926.300.000	123.926.300.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.926.300.000	82.618.200.000
- Vốn góp tăng trong năm		41.308.100.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	123.926.300.000

+ Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	12.392.630
+ Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu ưu đãi		

+ Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp	24.916.162.284	24.936.427.649
+ Quỹ đầu tư và phát triển	12.523.824.666	12.544.090.031
+ Quỹ dự phòng tài chính	12.392.337.618	12.392.337.618

14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	445.040.512.972	401.779.726.506
Cộng	445.040.512.972	401.779.726.506

15. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Thuế xuất khẩu	72.390.124.290	70.348.509.642
- Hao hụt bán hàng	67.794.400	213.328.703
Cộng	72.457.918.690	70.561.838.345

16. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa	372.582.594.282	331.217.888.161
Cộng	372.582.594.282	331.217.888.161



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

	Năm nay	Năm trước
17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	228.780.685.621	171.352.553.361
Cộng	228.780.685.621	171.352.553.361
18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.706.159.531	4.274.969.145
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.106.193.998	1.759.763.045
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	3.812.353.529	6.034.732.190
19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	33.172.898	
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	648.944.444	1.591.320.987
Cộng	682.117.342	1.591.320.987
20. THU NHẬP KHÁC		
- Thanh lý tài sản cố định	185.454.545	715.086.364
Cộng	185.454.545	715.086.364
21. CHI PHÍ KHÁC		
- Sửa chữa thay thế phụ tùng xe ô tô		34.870.000
- Chi phí khác		30.410.000
Cộng		65.280.000
22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	18.783.152.488	25.531.766.829
Cộng	18.783.152.488	25.531.766.829
23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.813.110.617	152.774.978.344
- Chi phí nhân công	86.602.139.913	69.755.637.117
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23.158.932.394	21.590.431.889
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.982.415.982	88.342.270.683
- Chi phí bằng tiền khác	3.755.982.656	6.864.624.587
Cộng	354.312.581.562	339.327.942.620

01172
 CÔNG TY
 TNHH
 VU TU
 NH KẾ
 TÍNH TO
 Á NẠP
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

24. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
477.900.000	330.000.000
477.900.000	330.000.000

25. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

+ Tổng lợi nhuận trước thuế

+ Các khoản điều chỉnh tăng

+ Các khoản điều chỉnh giảm

+ Tổng thu nhập chịu thuế

+ Thuế TNDN phải nộp

+ Thuế TNDN được miễn, giảm

+ Thuế TNDN còn phải nộp

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm nay	Năm trước
98.803.749.134	111.923.680.953
3.988.182.356	13.887.146.103
102.791.931.490	125.810.827.056
25.697.982.873	31.452.706.765
6.914.830.386	5.920.939.936
18.783.152.488	25.531.766.829
80.020.596.646	86.391.914.124

26. THÔNG TIN BỔ SUNG

26.1- Giao dịch giữa các bên liên quan: Không phát sinh

26.2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có mặt hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

26.3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phát sinh tại doanh nghiệp:

- Về hợp đồng kỳ hạn:

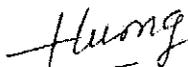
không phát sinh

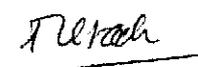
26.4- Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

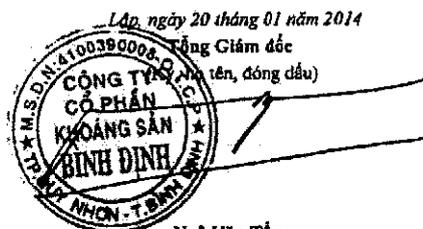
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)





Nguyễn Thị Bích Hương

Huỳnh Ngọc Bích



Ngô Văn Tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Công